

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22 tháng 6 năm 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Phát

2. Ông Hà Văn Cho

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/02/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ng, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn CL, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Đặng Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Chi nhánh trợ giúp pháp lý số X, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn CL, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 08/02/2022, được bổ sung trong bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt của nguyên đơn Lê Thị Ng và nội dung trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa, nội dung yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ng và anh Lê Văn T tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc hay đe dọa, đăng ký kết hôn tại UBND xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá và được UBND xã GT cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2017, ngày 22/9/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến chửi bới, xúc phạm nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con: Chị Lê Thị Ng và anh Lê Văn T có một con chung là cháu Lê Ngọc D, sinh ngày 16/11/2016. Chị Ng đề nghị, khi ly hôn giao cháu D cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Lê Thị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 18/02/2022, được bổ sung trong đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Lê Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T công nhận việc anh và chị Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, thời gian và nơi đăng ký kết hôn, thời gian và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thời gian vợ chồng ly thân như chị Ng trình bày là đúng. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn, nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ng.

Về con: Anh T công nhận, anh và chị Ng có 01 con chung; họ tên, ngày tháng năm sinh như chị Ng trình bày là đúng. Khi vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc D, sinh ngày 16/11/2016 và tự nguyện không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh Lê Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị Ng và anh Lê Văn T đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt chị Ng, anh T.

Tại phiên tòa, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”; nơi cư trú của bị đơn tại huyện LC, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải, nên vụ án thuộc trường không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vụ án vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn Lê Thị Ng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên, bị đơn Lê Văn T và Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2017, ngày 22/9/2017, do UBND xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Ng và anh Lê Văn T là hợp pháp.

[5]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ng, Hội đồng xét xử thấy: Giữa chị Ng và anh Lê Văn T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa chị Ng và anh T bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả; vợ chồng đã có thời gian ly thân nhưng chị Ng và anh T không bàn bạc tìm cách giải quyết mâu thuẫn nên tình cảm không được cải thiện. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ng và anh T đề nghị không hoà giải mà yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn, nên Toà án không tiến hành hoà giải để vợ chồng đoàn tụ được. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị Ng và anh T không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Ng, quyết định cho chị Ng và anh T ly hôn.

[6]. Về con: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn Lê Thị Ng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên, bị đơn Lê Văn T và bản sao Giấy khai sinh của cháu D đủ cơ sở xác định: Cháu Lê Ngọc D, sinh ngày 16/11/2016 là con

chung của chị Ng và anh T. Xét đề nghị của chị Ng, thấy: Đề nghị của chị Ng phù hợp với nguyện vọng của anh T. Mặt khác, hiện nay cháu D đang ở với anh T, đề cuộc sống, sinh hoạt và việc học tập của cháu D không bị xáo trộn, nên chấp nhận đề nghị của chị Ng và nguyện vọng của anh T, giao cháu D cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[7]. Về tài sản: Chị Lê Thị Ng và anh Lê Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Chị Lê Thị Ng là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nhưng chị Ng là người dân tộc thiểu số (Dân tộc Thái), sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban Dân tộc của Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm, nên xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Ng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ng được ly hôn anh Lê Văn T.

Về con: Giao cháu Lê Ngọc D, sinh ngày 16/11/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn cho chị Lê Thị Ng.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn Lê Thị Ng, bị đơn Lê Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Người BVQVLIHP của nguyên đơn;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- UBND xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Viết Tám

